

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TỊNH BIÊN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2019/HSST
Ngày 04-9-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỊNH BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Mỹ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Thanh Hoàng;
2. Bà Châu Thị Thu Thủy.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Trần Văn Quới, cán bộ Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên tham gia phiên tòa: Bà Trương Bảo Thanh, Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 31/2019/HSST ngày 09 tháng 8 năm 2019 đối với bị cáo:

1. Nguyễn Thị H, sinh năm 1980 tại huyện T, tỉnh A; nơi cư trú: tổ 3, khóm II, thị trấn C, huyện T, tỉnh A; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: không biết chữ; dân tộc: Kinh, con ông Nguyễn Văn T, chết và bà Nguyễn Thị N, chết; có chồng Võ Văn Đức N, sinh năm 1978; Có 02 con, lớn sinh năm 1996, nhỏ sinh năm 2003; Bị cáo là con thứ tư, có 3 anh, chị em; Tiền án, tiền sự: không; Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú Lệnh số 31/L-CQĐT ngày 20/5/2019 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tịnh Biên từ ngày 20/5/2019 đến ngày 20/7/2019; Lệnh số 02/LCCT-VKSTB-HS ngày 23/7/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên từ ngày 23/7/2019 đến ngày 11/8/2019; Bị cáo tại ngoại, có mặt.

- Người bị hại: Ông Châu T, sinh năm 1998, nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh A, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại: Bà Lê Hồ Bích H, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh An Giang, có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trần T (tên gọi khác Tr), sinh năm 1972, nơi cư trú: tổ 3, ấp V, xã V, huyện T, tỉnh A, có mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Bà Tô Thị T, sinh năm 1986, nơi cư trú: ấp Ô, xã B, thị xã K, tỉnh L, vắng mặt.

2. Bà Lê Thị H, sinh năm 1963, nơi cư trú: tổ 01B, khóm II, thị trấn C, huyện T, tỉnh A, vắng mặt.

3. Ông Võ Văn Đức N, sinh năm 1978, nơi cư trú: tổ 3, khóm II, thị trấn C, huyện T, tỉnh A, có mặt.

4. Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1983, nơi cư trú: khóm T, thị trấn N huyện T, tỉnh A, vắng mặt.

5. Bà Neàng S, sinh năm 1975, nơi cư trú: tổ 3, ấp V, xã V, huyện T, tỉnh A, có mặt.

6. Bà Neàng R, sinh năm 1964, nơi cư trú: tổ 11, ấp M, xã V, huyện T, tỉnh A, có mặt.

7. Bà Neàng H, sinh năm 1999, nơi cư trú: tổ 3, ấp V, xã V, huyện T, tỉnh A, có mặt.

8. Ông Nguyễn Thanh L, sinh năm 1971, nơi cư trú: tổ 3, khóm II, thị trấn C, huyện T, tỉnh A, vắng mặt.

9. Ông Lê Thanh Hữu S, sinh năm 1985, nơi cư trú: khóm V, phường N, thành phố C, tỉnh A, vắng mặt.

- *Người phiên dịch:* Ông Lục Tà D – Cộng tác viên dịch thuật của Phòng Tư pháp huyện Tịnh Biên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 05 giờ 30 phút sáng ngày 25 tháng 4 năm 2019, ông Chau T chạy xe mô tô biển số 67E1- 141.88 chở bà Neàng H (vợ T) để bán hải sản tại chợ C thuộc khóm 1, thị trấn C, huyện T, tỉnh A, Thon dựng xe mô tô phía trước chợ C, rồi đi vào bên trong bán. Khoảng 06 giờ 20 phút cùng ngày, Nguyễn Thị H đi bộ đến chợ C thấy xe mô tô biển số 67E1- 141.88, có gắn chìa khóa và không người trông giữ, nảy sinh ý định lấy trộm xe. Nên H đến lấy và nổ máy xe mô tô biển số 67E1- 141.88 chạy sang Casino (Campuchia), tại đây H gặp Tô Thị T và nhờ T dẫn đem xe đi cầm (gần Casino). H mở yên xe bên trong có một cái ví, có giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 67E1- 141.88 và các loại giấy tờ, sổ sách khác...Nên H lấy xe và giấy đăng ký đem cầm được 4.000.000 đồng, sau đó cho Tuyền 200.000 đồng và số còn lại H chơi đánh bạc thua hết, đổi với tờ tiền mệnh giá 2USD trong ví thì H đem cho con ruột Võ Văn H, còn cái ví H cất giấu trên trần nhà vệ sinh.

Đến ngày 03/5/2019 H và T chuộc lại xe và giao nộp xe mô tô 67E1- 141.88 cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tịnh Biên.

Vật chứng thu giữ: 01 (một) áo thun dài tay có nhiều hình bông, cành, lá trên áo và bông có màu tím, vàng, đen, loại áo nữ (đã qua sử dụng); 01 (một) quần thun ống dài màu đen của nữ (đã qua sử dụng); 01 (một) đôi dép quai quăng, trên dây có chữ Pink ở dép bên phải, quai dép màu vàng (đã qua sử dụng).

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 339/KL.HĐĐGTTTHS ngày 06 tháng 5 năm 2019 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự của Ủy ban nhân dân huyện Tịnh Biên, kết luận xe mô tô biển số 67E1 – 141.88, loại xe Wave alpha, màu xám – đen – bạc, được định giá là 12.100.000 đồng; Cũng tại bản kết luận định giá tài sản số: 389/KL.HĐĐGTTTHS ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự của Ủy ban nhân dân huyện T, kết luận một tờ tiền đô la Mỹ, mệnh giá 2 USD, được định giá là 45.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 33/CT-VKSTB-HS ngày 08 tháng 8 năm 2019, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị H về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 (sau đây gọi tắt Bộ luật hình sự).

Tại Cơ quan điều tra, bị cáo Nguyễn Thị H đều khai nhận hành vi như đã nêu.

Tại phiên tòa,

- Bị cáo Nguyễn Thị H đã khai nhận do không có tiền tiêu xài, nên khoảng 06 giờ 20 phút ngày 25 tháng 4 năm 2019 thấy xe mô tô biển số 67E1- 141.88, có gắn chìa khóa và không người trông giữ, nảy sinh ý định lấy trộm xe như nội dung bản Cáo trạng. Bị cáo không có ý kiến tranh luận với lời luận tội của Kiểm sát viên, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Người bị hại và các nhân chứng được triệu tập tại phiên tòa các ông, bà Chau T, Neàng S, Neàng R, Neàng H đều có lời khai phù hợp trong quá trình điều tra khẳng định tình tiết của vụ án đúng như lời bị cáo khai nhận.

- Kiểm sát viên, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và trình bày lời luận tội: Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của bị hại mà Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo là có căn cứ. Tuy nhiên, khi lượng hình cũng xem xét đến nhân thân của bị cáo: Đã tự nguyện khắc phục hậu quả; Thành khẩn khai báo; Phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Chưa có tiền án, tiền sự; không biết chữ, nhận thức pháp luật kém. Áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách

nhiệm hình sự cho bị cáo Nguyễn Thị H theo điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng mức hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Thị H từ 06 (sáu) đến 09 (chín) tháng tù;

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường; Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần T yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 40.500.000 đồng, nhưng không có cơ sở xác định được bị cáo đã lấy tài sản này, nên khi điều tra rõ sẽ xử lý bằng vụ án khác.

Về biện pháp tư pháp: Áp dụng điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Đề nghị tịch thu, tiêu hủy: Vật chứng đã thu giữ.

Về áp dụng hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có nghề nghiệp thu nhập không ổn định, đề nghị miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại tranh luận: Thống nhất với luận tội của Kiểm sát viên về mức hình phạt đối với bị cáo. Tuy nhiên, theo diễn biến tại phiên tòa thấy rằng bị cáo vẫn còn quanh co khai báo về số tiền của ông Trần T bị mất 40.500.000 đồng, không phù hợp với các lời khai của người làm chứng. Bị cáo khai rằng cả ngày 25/4/2019 bị cáo đánh bạc ở Casino thua hết tiền, còn lại 1.200.000 đồng tiêu xài cá nhân, bị cáo khai nhận sau đó có đi lên đánh bạc khoảng 4-5 lần nữa cũng đều thua hết. Như vậy, bị cáo khai nhận ngày 03/5/2019 Bị cáo được con trai cho 500.000 đồng, ăn bạc 4.200.000 đồng để có tiền chuộc xe là không phù hợp với số tiền để chuộc lại xe như bị cáo khai nhận. Như vậy, đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải bồi thường cho ông Trần T 40.500.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng và hợp pháp về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về tội danh:

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nguyễn Thị H khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay, cũng phù hợp với lời khai của bị cáo đã khai nhận tại Cơ quan điều tra. Đồng thời còn phù hợp với vật chứng vụ án là chiếc xe mô tô biển số 67E1 – 141.88, số máy HC12E5259174, số khung 1213DY259093

đã được giao trả lại cho bị hại (theo biên bản ngày 20/7/2019 tại Đội cảnh sát hình sự Công an huyện T, tỉnh A).

Đánh giá tính chất, mức độ hành vi: Bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, cố ý thực hiện hành vi nhằm chiếm đoạt tài sản của bị hại một cách lén lút, mục đích bán lấy tiền tiêu xài cá nhân; đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của bị hại, giá trị tài sản mà bị cáo chiếm đoạt trị giá 12.100.000 đồng.

Do đó, có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Nguyễn Thị H có đầy đủ dấu hiệu của tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự, như kết luận của Kiểm sát viên là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo:

Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ: Tự nguyện khắc phục hậu quả, tài sản chiếm đoạt đã được thu hồi trả lại cho người bị hại; Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Thành khẩn khai báo; Chưa có tiền án, tiền sự; Không biết chữ, nhận thức pháp luật kém nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Căn cứ vào tính chất mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ, cũng như nhân thân bị cáo. Hội đồng xét xử thấy cần có mức án nghiêm khắc, phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, nhằm tạo điều kiện cho bị cáo nhận thức được hành vi phạm tội của mình, cũng để răn đe và phòng ngừa chung trong xã hội. Do đó, mức hình phạt mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên đề nghị áp dụng đối với bị cáo là tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo.

Đối với lời tranh luận của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, yêu cầu buộc bị cáo phải bồi thường cho ông Trần T 40.500.000 đồng là không có căn cứ.

[4] Biện pháp tư pháp:

- Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 (một) áo thun dài tay có nhiều hình bông, cành, lá trên áo và bông có màu tím, vàng, đen, loại áo nữ (đã qua sử dụng); 01 (một) quần thun ống dài màu đen của nữ (đã qua sử dụng); 01 (một) đôi dép quay kẹp, trên dây dép phải có chữ Pink, quay dép màu vàng (đã qua sử dụng), là vật không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy, theo quy định điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

(Theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 12/8/2019 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tịnh Biên và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tịnh Biên).

[5] *Về bồi thường dân sự*: Bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường; Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần T yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 40.500.000 đồng, nhưng không có cơ sở xác định được bị cáo đã lấy tài sản này, nên khi điều tra rõ sẽ xử lý bằng vụ án khác.

[6] *Về án phí*: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 50 Bộ luật hình sự.

1. Tuyên bố:

- Bị cáo Nguyễn Thị H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Xử phạt:

- Bị cáo Nguyễn Thị H chín (09) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính kể từ ngày bắt thi hành án.

3. Về vật chứng: Căn cứ vào Điều 46 Bộ luật Hình sự; điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- Tịch thu, tiêu hủy: 01 (một) áo thun dài tay có nhiều hình bông, cành, lá trên áo và bông có màu tím, vàng, đen, loại áo nữ (đã qua sử dụng); 01 (một) quần thun ống dài màu đen của nữ (đã qua sử dụng); 01 (một) đôi dép quai kép, dây dép phải có chữ Pink, quai dép màu vàng (đã qua sử dụng).

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Buộc bị cáo Nguyễn Thị H phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Bị cáo và bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án,

tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND h. Tịnh Biên;
- CQCSĐT CA h. Tịnh Biên.;
- Chi cục THADS h.Tịnh Biên;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu: HS; THAHS.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THÂM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Ngọc Mỹ